

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 19/2017/LĐ-PT
Ngày 09-11-2017
V/v tranh chấp về tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hữu Xuân;
Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 15/2017/TLPT-LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp về tiền lương.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2017/LĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2017/QĐ-PT ngày 03/11/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim N; sinh năm 1990; địa chỉ: Số X, đường số N, ấp Đ, xã H, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1990; địa chỉ liên hệ: Phòng C, lầu B, Tòa nhà C, Số N, đường M, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2017). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NK; địa chỉ: Số Z, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P - Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Mai L, sinh năm 1990 và ông Trần Đình C, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Số A, đường N, phường B, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2017). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Thương mại NK; địa chỉ: Số XYZ, đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Jariya C - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Mai L, sinh năm 1990 và ông Trần Đình C, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Số A, đường N, phường B, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2017). Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NK.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Kim N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thế N trình bày: Bà N vào làm việc tại Công ty TNHH MTV NK (sau đây gọi là Công ty NK) với chức danh trợ lý kiêm kiểm soát nội bộ từ tháng 01/2013 và được ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 016975.4/NK/HĐLD ngày 01/3/2016.

Sáng ngày 27/5/2016, Kế toán trưởng Công ty NK nhận bàn giao phòng ngân quỹ, phát hiện số tiền trong két sắt bị mất trộm. Tổng số tiền bị mất trộm là 712.768.000 đồng, Công ty đã trình báo Công an và đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương thụ lý và ra Quyết định khởi tố vụ án trộm cắp tài sản số 71 ngày 22/8/2016.

Ngày 27/9/2016, Công ty Cổ phần Thương mại NK (sau đây gọi là Công ty Cổ phần NK) ra Quyết định số 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ về việc bồi thường 100% thiệt hại đối với cán bộ nhân viên với lý do “thiếu trách nhiệm trong công việc gây hậu quả nghiêm trọng” khi chưa có kết quả từ Cơ quan điều tra. Danh sách phải bồi thường bao gồm 19 người từ cấp quản lý đến nhân viên. Trong đó, số tiền mà bà N phải bồi thường là 22.808.576 đồng.

Ngày 30/9/2016, Công ty NK dựa vào Quyết định số 69 của Công ty Cổ phần NK để khấu trừ 30% tiền lương và chỉ chuyển trả 70% còn lại cho bà N qua tài khoản ngân hàng.

Ngày 24/10/2016, phòng nhân sự Công ty NK gửi mail thông báo giảm 50% tiền bồi thường cho nhân viên với lý do Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã chuyển tiền bồi thường đợt 1. Số tiền bà N phải bồi thường cho công ty sau khi giảm 50% là 11.404.288 đồng.

Ngày 13/10/2016, bà N viết đơn xin nghỉ việc vì không đồng ý với cách xử lý của Công ty NK về việc mất trộm, gây ảnh hưởng xấu trực tiếp đến danh dự

của bà N. Bà N có yêu cầu phòng nhân sự ký xác nhận là đã nhận đơn xin nghỉ việc của bà N nhưng phòng nhân sự không ký, tuy nhiên Công ty vẫn ban hành quyết định thôi việc.

Ngày 31/10/2016, Công ty NK tiếp tục khấu trừ 30% lương và chỉ chuyển trả 70% lương còn lại cho bà N qua tài khoản ngân hàng.

Ngày 30/11/2016, sau khi bà N nghỉ việc, Công ty NK thực hiện khấu trừ phần tiền bồi thường còn lại vào lương tháng 11 của bà N. Như vậy, sau 03 lần khấu trừ tổng số tiền mà bà N bị ép phải trả cho công ty là 11.404.288 đồng.

Công ty NK không xác định được lỗi của bà N và không ra biên bản xử lý kỷ luật nào. Sau hai lần tham gia hòa giải tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố T, bà N vẫn không nhận được sự giải quyết thỏa đáng từ phía Công ty NK và kết thúc bằng biên bản hòa giải không thành ngày 06/12/2016.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu buộc Công ty Cổ phần NK phải hủy Quyết định bồi thường thiệt hại số 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ, đồng thời công khai xin lỗi bà N bằng mail nội bộ. Buộc Công ty NK trả lại toàn bộ số tiền đã khấu trừ của bà N tổng số tiền là 11.404.288 đồng theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty NK là bà Trần Thị Mai L và ông Trần Đình C trình bày: Bà Trần Thị Kim N là người lao động của Công ty NK (Công ty con của Công ty Cổ phần NK) theo Hợp đồng lao động số 016975.4/NK/HĐLĐ, chức vụ Trợ lý giám đốc kiêm Kiểm soát nội bộ. Theo quy định tại Điều 3.2 Hợp đồng lao động, bà N có nghĩa vụ bồi thường đầy đủ các khoản mất mát về hàng hóa/tài sản/tiền bạc của Công ty nếu xảy ra liên quan đến trách nhiệm công việc được giao theo quy định của Công ty phù hợp với quy định của Luật lao động và các văn bản pháp luật liên quan.

Ngày 27/5/2016, tại Công ty NK xảy ra một vụ mất trộm tiền trong két sắt. Công ty NK đã trình báo vụ mất trộm đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương. Ngày 22/8/2016, qua quá trình làm việc ban đầu xác định vụ việc có dấu hiệu hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 71 và đang tiếp tục xử lý vụ việc.

Ngày 31/8/2016, Công ty Cổ phần NK thành lập Ban điều tra nội bộ về vụ việc mất trộm tại Trung tâm mua sắm NK. Quyết định thành lập do Tổng giám đốc điều hành ký ban hành. Theo quyết định thành lập này, Ban điều tra có quyền và nghĩa vụ điều tra nguyên nhân và đề xuất Tổng giám đốc điều hành xử lý vụ việc.

Ngày 09/9/2016, qua quá trình kiểm tra, Ban điều tra nội bộ đã lập Báo cáo về vụ việc mất trộm nêu trên, đề xuất phân chia tỷ lệ bồi thường tạm thời đối với các nhân viên có liên quan thiếu trách nhiệm trong việc quản lý gây hậu quả nghiêm trọng.

Ngày 27/9/2016, căn cứ trên báo cáo Ban điều tra nội bộ ngày 09/9/2016, Công ty Cổ phần NK ban hành Quyết định số 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ về việc tạm thời bồi thường 100% thiệt hại tương ứng 712.768.000 đồng đối với các

nhân viên liên quan do thiếu trách nhiệm trong việc quản lý gây hậu quả nghiêm trọng và sẽ hoàn trả lại cho người lao động ngay khi số tiền trên được thu hồi. Quyết định số 69 được ban hành căn cứ vào báo cáo của Ban điều tra nội bộ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành ký kết ban hành các quyết định nội bộ của công ty.

Ngay sau khi nhận được thông báo bồi thường lần một tương ứng 50% số tiền bị mất trộm từ Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, ngày 20/10/2016, Công ty NK ban hành thông báo giảm tiền bồi thường thiệt hại tạm thời cho nhân viên xuống 50% thiệt hại tương ứng 356.384.000 đồng.

Ngày 13/10/2016, bà N nộp đơn xin thôi việc đến Phòng nhân sự Công ty NK, báo trước 45 ngày theo quy định của Bộ luật Lao động và xin nghỉ việc từ ngày 30/11/2016. Ngày 30/11/2016, đồng ý với thỏa thuận thôi việc của bà N, Công ty NK ban hành Quyết định về việc chấp thuận cho thôi việc đối với bà N. Đồng thời, Công ty NK đã thanh toán đầy đủ chế độ và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà N.

Ngày 15/12/2016, bà N khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố T yêu cầu Công ty NK trả lại toàn bộ số tiền đã khấu trừ là 11.404.288 đồng. Công ty NK không đồng ý, với lý do:

- + Căn cứ Quyết định 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ về việc bồi thường 100% thiệt hại tương ứng 712.768.000 đồng đối với các nhân viên có liên quan do thiếu trách nhiệm trong việc quản lý gây hậu quả nghiêm trọng.

- + Căn cứ Thông báo giảm tiền bồi thường thiệt hại xuống 50% thiệt hại tương ứng 356.384.000 đồng.

- + Căn cứ Báo cáo Ban điều tra nội bộ về vụ việc mất trộm tại Trung tâm mua sắm NK, phân chia tỷ lệ bồi thường đối với các nhân viên có liên quan do thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

- + Căn cứ khoản 3 Điều 101 Bộ luật Lao động năm 2012, Công ty không được khấu trừ vượt quá 30% tiền lương của người lao động.

Từ những căn cứ nêu trên, Công ty NK thi hành quyết định 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ và thông báo giảm tiền bồi thường thiệt hại, đã thu tiền bồi hoàn thiệt hại từ bà N bằng cách khấu trừ vào tiền lương, số tiền khấu trừ là 30% tiền lương tháng hoàn toàn phù hợp quy định Luật lao động.

Ngoài ra, cũng theo Quyết định 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ có đề cập, trường hợp Công ty NK thu hồi lại được tiền mất trộm, Công ty sẽ hoàn trả lại cho bà N 100% số tiền đã bồi hoàn. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa thu hồi được toàn bộ số tiền đã mất trộm và vụ việc mất trộm đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương điều tra. Vì vậy, Công ty NK không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần NK là bà Trần Thị Mai L và ông Trần Đình C trình bày: Thông

nhất với phần trình bày của bị đơn. Ngoài ra, Công ty Cổ phần NK không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N với lý do:

- Về việc hủy Quyết định số 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ, Công ty dựa trên các căn cứ hoàn toàn phù hợp quy định của Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động và quy trình nội bộ của công ty, cụ thể:

- + Căn cứ Báo cáo của Ban điều tra nội bộ ngày 09/9/2016 (được Tổng giám đốc điều hành Công ty Cổ phần NK thành lập ngày 31/8/2016) về vụ việc mất trộm tại Trung tâm mua sắm NK xảy ra ngày 27/5/2016.

- + Căn cứ quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành về việc ký kết và cho thi hành các quyết định nội bộ công ty theo Giấy ủy quyền số 01 ngày 09/9/2016.

Quyết định số 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ là Quyết định nội bộ của Công ty Cổ phần NK, được ban hành không trái pháp luật và hoàn toàn phù hợp với quy định nội bộ Công ty. Do đó, yêu cầu hủy quyết định của bà N là không có cơ sở pháp lý và không đúng thẩm quyền quản trị nội bộ của công ty.

Về việc bà N yêu cầu công khai xin lỗi bằng hợp thư điện tử nội bộ: Công ty Cổ phần NK không đồng ý yêu cầu của bà N vì Công ty không thực hiện bất kỳ hành động nào ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà N theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Dân sự năm 2015. Yêu cầu bà N cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện này của bà N là có căn cứ theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Phía nguyên đơn cho rằng Công ty NK không mở cuộc họp xử lý kỷ luật hay xử lý vật chất đối với bà N, không có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, không có chứng cứ chứng minh cũng như không xác định được lỗi của người lao động. Đồng thời, Công ty NK không căn cứ vào đầu đề khấu trừ lương của người lao động. Do vậy, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty Cổ phần NK phải hủy quyết định bồi thường thiệt hại số 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ, đồng thời công khai xin lỗi bà N bằng mail nội bộ; buộc Công ty NK trả lại toàn bộ số tiền đã khấu trừ lương của bà N với tổng số tiền là 11.404.288 đồng theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

Người đại diện của Công ty Cổ phần NK và Công ty NK cung cấp 01 USB ghi lại nội dung phỏng vấn giữa bà N và Ban điều tra nội bộ của Công ty Cổ phần NK và cho rằng bà N đã thỏa thuận về trách nhiệm và bồi thường nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N; đồng thời yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 71 ngày 22/8/2016 và yêu cầu Tòa án xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của Công ty Cổ phần NK trong vụ án này.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2017/LĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trần Thị Kim N đối với yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Thương mại NK phải hủy quyết định bồi thường thiệt hại số

69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ, đồng thời công khai xin lỗi bà N bằng mail nội bộ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N về việc “Tranh chấp về tiền lương” đối với bị đơn Công ty TNHH MTV NK. Buộc Công ty TNHH MTV NK phải trả cho bà Trần Thị Kim N số tiền là 11.404.288 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, đại diện bị đơn Công ty NK kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 11.404.288 đồng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết luận của cơ quan điều tra.

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp, vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 11.404.288 đồng; Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại do có vi phạm về tố tụng, đánh giá chứng cứ không chính xác và thiếu người tham gia tố tụng; tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết luận của cơ quan điều tra; triệu tập Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện nguyên đơn xác định: Công ty không mở bất kỳ cuộc họp nào để xử lý kỷ luật lao động hoặc trách nhiệm vật chất đối với bà N; cũng không dựa vào căn cứ pháp luật để trừ lương của người lao động nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ khi tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, Công ty không chứng minh được mức độ lỗi của bà N khi xử lý trách nhiệm vật chất, không tuân thủ khoản 1 Điều 123 Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Yêu cầu của Công ty về việc đưa Công ty Bảo hiểm vào tham gia tố tụng là không cần thiết. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 23/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vụ án và ban hành Bản án lao động sơ thẩm số 01/2017/LĐ-ST, cùng ngày bị đơn có đơn kháng cáo bản án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bản án sơ thẩm bị bị đơn kháng cáo một phần về phần buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 11.404.288 đồng. Đối với phần Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Quyết định bồi thường thiệt hại số 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ, đồng thời công khai xin lỗi bà N bằng hợp thư điện tử nội bộ thì các đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty NK đề nghị đưa Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền, thời điểm, các căn cứ về việc Công ty sẽ giải quyết bồi hoàn cho Công ty NK, xét thấy: Bà N là nhân viên ký hợp đồng lao động với Công ty NK. Sau khi diễn ra sự việc mất trộm tiền ngày 27/5/2016 tại Công ty, thì vào các ngày 30/9/2016, 31/10/2016 và ngày 30/11/2016 Công ty NK đã khấu trừ lương của bà N số tiền 11.404.288 đồng để bồi thường thiệt hại do để mất trộm tiền ngày 27/5/2016 gây ra. Không đồng ý với việc giải quyết khấu trừ lương của Công ty, bà N khởi kiện và đã được Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý và giải quyết bằng quan hệ “tranh chấp tiền lương”. Như vậy, đây là quan hệ tranh chấp lao động, được giải quyết bởi các quy định của pháp luật lao động. Việc xem xét số tiền, thời điểm và căn cứ để Công ty Bảo Hiểm chi trả cho Công ty NK không liên quan trực tiếp đến việc giải quyết tranh chấp lao động về tiền lương giữa bà N với Công ty NK. Do vậy, yêu cầu của đại diện bị đơn về việc đưa Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là không cần thiết.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án, chờ kết luận của cơ quan điều tra và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn hoàn trả số tiền 11.404.288 đồng. Xét thấy, như đã phân tích tại mục [3], Tòa án phải dựa vào các quy định của pháp luật lao động và pháp luật có liên quan (nếu có) để giải quyết tranh chấp lao động. Công ty NK đã căn cứ Điều 3.2.3 Hợp đồng lao động, Điều 31 Nội quy công ty và khoản 3 Điều 101 Bộ luật Lao động khấu trừ 30% lương của bà N để bồi thường thiệt hại do việc mất trộm xảy ra tại công ty ngày 27/5/2016. Xem xét quy định tại Điều 3.2.3 hợp đồng lao động hai bên đã ký (bút lục 09) xác định: Việc bồi thường các khoản mất mát về tiền bạc, tài sản nếu xảy ra liên quan đến trách nhiệm công việc được giao theo quy định của Công ty phù hợp với quy định của Luật Lao động. Theo đó, các Điều 101, 130 Bộ luật Lao động quy định: Người sử dụng lao động được khấu trừ không quá 30% tiền lương hàng tháng của người lao động để bồi thường thiệt hại khi người lao động có hành vi gây thiệt hại tài sản của người sử dụng lao động. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn cho rằng không xử lý kỷ luật lao động hay xử lý trách nhiệm vật chất đối với bà N nhưng căn cứ mà bị đơn khấu trừ lương cũng như thực tế đã trừ lương của bà N chính là hình thức xử lý trách nhiệm vật chất mà Công ty đã áp dụng đối với người lao động. Do đó, khi xác định trách nhiệm vật chất của người lao động (trách nhiệm bồi

thường thiệt hại) thì Công ty phải tuân thủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Lao động cụ thể: *“Việc xem xét, quyết định mức bồi thường thiệt hại phải căn cứ vào lỗi, mức độ thiệt hại thực tế và hoàn cảnh thực tế gia đình, nhân thân và tài sản của người lao động. Trình tự, thủ tục, thời hiệu xử lý việc bồi thường thiệt hại được áp dụng theo quy định tại Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật này”*. Điều 123 Bộ luật Lao động về nguyên tắc, trình tự xử lý kỷ luật lao động quy định: *“Việc xử lý kỷ luật lao động được quy định như sau: Người sử dụng lao động phải chứng minh được lỗi của người lao động; Phải có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở; Người lao động phải có mặt và có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa; trường hợp là người dưới 18 tuổi thì phải có sự tham gia của cha, mẹ hoặc người đại diện theo pháp luật; Việc xử lý kỷ luật lao động phải được lập thành biên bản”*. Như vậy, xét về trình tự thủ tục, Công ty NK chưa tiến hành các bước xử lý trách nhiệm vật chất đối với bà N theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Lao động, Công ty mới chỉ lập biên bản điều tra, làm việc với bà N mà đã xử lý buộc bồi thường thiệt hại thông qua khấu trừ tiền lương của bà N là chưa đúng trình tự thủ tục theo quy định tại các Điều: 101, 123, 124, 130, 131 Bộ luật Lao động, do đó căn cứ Điều 132 Bộ luật Lao động, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động là có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty NK phải hoàn trả lại cho bà N số tiền 11.404.288 đồng do bị đơn đã khấu trừ tiền lương của người lao động không có căn cứ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của đại diện bị đơn về việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết luận của cơ quan điều tra thấy rằng: Như trên đã phân tích, bị đơn Công ty NK chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật lao động đã tiến hành khấu trừ tiền lương của người lao động để bồi thường thiệt hại về tài sản của công ty là trái với quy định của pháp luật nên công ty phải hoàn trả lại tiền lương đã trừ cho bà N. Đối với kết quả điều tra của cơ quan công an nếu có liên quan đến bà N thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác với quan hệ pháp luật khác. Mặt khác, đã xác định Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam không có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp lao động về tiền lương trong vụ án này do đó, cũng không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm do thiếu người tham gia tố tụng theo yêu cầu của đại diện bị đơn.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Án phí sơ thẩm, phúc thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NK, giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 01/2017/LĐ-ST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng:

- Các Điều: 90, 96, 101, 123, 124, 130, 131, 132 Bộ luật Lao động;

- Điểm b khoản 2 Điều 133, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N đối với yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Thương mại NK phải hủy quyết định bồi thường thiệt hại số 69.2016/NK/TGĐĐH/QĐ, đồng thời công khai xin lỗi bà N bằng hộp thư điện tử nội bộ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N về việc “Tranh chấp tiền lương” đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NK. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NK phải hoàn trả cho bà Trần Thị Kim N số tiền 11.404.288 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NK phải chịu 342.129 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NK phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001173 ngày 28/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LD, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhàn
(Đã ký)